

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Yến N, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Tổ 07, ấp A, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 07, ấp A, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/01/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Thị Yến N trình bày: Qua mai mối, bà N và ông Trần Thanh T tiến tới

hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và đăng ký kết hôn được UBND xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/12/2015. Sau khi kết hôn do khó khăn về kinh tế và ông T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh đập bà N nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau. Mặc dù bà N đã nhiều lần khuyên ngăn và tạo cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành từ đó vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015, hiện đang sống cùng ông T. Bà N đồng ý giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Khi cưới, gia đình chồng có cho một số nữ trang cưới khoảng 10 chỉ vàng 24K (gồm nhẫn, dây chuyền, lắc và bông tai) và 20 triệu đồng nhưng vợ chồng bà đã bán hết để chi tiêu trong gia đình. Do không còn tài sản chung nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 13/01/2021, bị đơn Trần Thanh T trình bày:* Ông T thống nhất theo lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do còn thương vợ nên ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Do bận công việc nên ông T xin được vắng mặt khi khi Tòa án hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015, hiện đang sống cùng ông T. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Yến N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/01/2021. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh T. Bà N đồng ý giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và có bản khai xin được vắng mặt khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Yến N khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Thanh T có nơi cư trú tại ấp A, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13/01/2021, ông Trần Thanh T có bản khai với nội dung xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà Bùi Thị Yến N và ông Trần Thanh T có đăng ký kết hôn được UBND xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/12/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà N và ông T: Theo lời khai của bà N, sau khi kết hôn thì vợ chồng bà sống không hạnh phúc do ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con, không làm việc để lo cho kinh tế gia đình mà chỉ tụ tập bạn bè ăn nhậu và đánh đập bà N nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, đến tháng 8/2018 thì vợ chồng bà ly thân và không liên lạc cho đến nay. Tại bản tự khai viết ngày 13/01/2021, ông T không đồng ý ly hôn với bà N do còn thương bà N. Nhưng Tòa án đã mời ông T tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần vào ngày 24/12/2020 và ngày 13/01/2021 nhưng ông T đều vắng mặt do đó không có cơ sở để động viên vợ chồng ông đoàn tụ. Xét vợ chồng bà N và ông T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho bà Bùi Thị Yến N được ly hôn với ông Trần Thanh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015, hiện đang sống cùng ông T. Bà N đồng ý giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ và ông T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N, giao cho ông Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bà Bùi Thị Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N và ông T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Yến N và ông Trần Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Yến N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Yến N.

Tuyên xử cho bà Bùi Thị Yến N được ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Bà Bùi Thị Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Quốc Đ, sinh ngày 29/9/2015 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Yến N và ông Trần Thanh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Yến N và ông Trần Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Về án phí: Bà Bùi Thị Yến N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010540 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Bùi Thị Yến N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bà Bùi Thị Yến N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Dương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lý Thị Thúy Quỳnh